

Bản án số: 62/2018/HS-PT
Ngày 22-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Bà Trần Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2018/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AD đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2018/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo bị kháng nghị:

Phạm Văn H, sinh năm 23 tháng 01 năm 1993 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn DD, xã NT, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Công T2 và bà Lê Thị X; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 25/01/2018, tạm giữ từ ngày 26/01/2018 đến ngày 04/02/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H là người làm thuê khoan, ép cọc bê tông cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn HC, xã HT, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sáng ngày 04 tháng 3 năm 2017, T điều động H cùng với Phạm Công C, sinh năm 1990; ĐKTT: Thôn DD, xã NT, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa; Nguyễn Mạnh C1, sinh năm 1992;

ĐKTT: Thôn CL; xã YN, huyện YY, tỉnh Nam Định và Nguyễn Văn P, sinh năm 1999; ĐKTT: Xóm Y, xã TQ, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa đến khoan, ép cọc bê tông làm móng nhà cho anh Đào Thanh P1. Mặc dù chưa được đào tạo về chuyên môn và chưa được cấp chứng chỉ vận hành máy ép cọc nhưng H vẫn trực tiếp điều khiển xe cầu nhãn hiệu Komatsu, model: PC 10-1, serial No 3734 bánh xích do T là chủ sở hữu để ép cọc. Trong quá trình thi công, mặc dù đã được H và những người làm cho T yêu cầu không vào khu vực thi công nhưng ông Đào Văn T1 vẫn đi vào khu vực đang thi công. Đến khoảng 09h45 phút cùng ngày, khi H đang điều khiển xe cầu, C1 đóng cầu dao điện, C giữ dây xích để tạo thẳng bằng cho máy khoan để khoan mũi khoan xuống đất thì mũi khoan va phải tầng bê tông và bị đẩy ngược lên làm móc mũi khoan bị rời ra khỏi mỏ neo cần cầu, cả máy khoan và mũi khoan đổ xuống trúng người ông T1 đang ngồi cách máy cầu khoảng 2m. Ông T1 bị thương được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Việt Tiệp, đến 13 giờ cùng ngày ông T1 chết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, trưng cầu giám định để xác định nguyên nhân vụ tai nạn.

Tại Bản Kết luận giám định số 1156/C54-P2 ngày 20/3/2017 của Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát – Bộ Công an kết luận: “Xe cầu có dán nhãn mác Komatsu, model: PC 10-1, serial No 3734 bánh xích, đây là một loại máy đào bánh xích của hãng Komatsu sau đó được chế thành xe máy cầu, thực hiện được các chức năng quay toa, nâng hạ cần và cuộn, nhả cáp móc cầu để nâng hạ vật. Móc cầu dùng để treo máy khoan khi thực hiện khoan xuống nền đất, hiện tại móc cầu không có thiết bị tự động hạn chế hành trình và không có khóa móc, lỗ chốt lắp khóa móc bị bịt kín, bụi bẩn; thân móc không bị nứt, gãy; dây cáp tải không bị đứt. Xe máy cầu dùng để treo máy khoan đất nói trên có móc cầu không có khóa móc, không đảm bảo an toàn kỹ thuật để thực hiện khoan. Nguyên nhân máy khoan bị mất liên kết khỏi móc cầu đổ xuống đất là do: Móc cầu không có khóa móc, khi mới bắt đầu khoan, mũi khoan đã tiếp đất và lỗ khoan chưa sâu, người điều khiển hạ móc cầu làm quang treo dịch chuyển tương đối so với móc cầu ra miệng móc và tuột ra ngoài.”

Tại Công văn số 2785/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 11/10/2017 của Phòng việc làm an toàn lao động của Sở Lao động thương binh và xã hội thành phố Hải Phòng xác định: Xe cầu có dán mác Komatsu, model: PC 10-1, serial No 3734 bánh xích, đây là một loại máy đào bánh xích của hãng Komatsu sau đó được chế thành xe máy cầu, thực hiện được các chức năng quay toa, nâng hạ cần và cuộn nhả móc cầu để nâng hạ vật, có tên gọi là Cần trục bánh xích. Cần trục bánh xích là loại thiết bị thuộc danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Thiết bị này phải được

kiểm định an toàn lao động trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật An toàn vệ sinh lao động.

Tại Công văn số 240/TTrSLĐTBXH ngày 05/7/2017 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng xác định: Công nhân điều khiển thiết bị nâng và công nhân buộc móc tải phải đảm bảo các yêu cầu sau: Từ 18 tuổi trở lên, có đủ sức khỏe được đào tạo về chuyên môn và được huấn luyện, cấp thẻ an toàn theo đúng quy định.

Tại Bản Kết luận giám định số 39/2017/GĐPY ngày 20/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “Nạn nhân Đào Văn T1 lồng ngực biến dạng, gãy toàn bộ xương sườn, tràn khí dưới da, bụng chướng, gãy hờ xương cẳng tay trái. Nguyên nhân chết là do sốc đa chấn thương ngực, bụng. Các thương tích trên có đặc điểm hình thành do va đập và đè nén”.

Sau khi gây án, Phạm Văn H bỏ trốn. Ngày 25/01/2018, Phạm Văn H bị bắt theo Quyết định truy nã của Công an huyện AD.

Tại Bản án số 12/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã xử phạt Nguyễn Văn T 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Tại Bản án sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 229 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 25/01/2018 đến ngày 04/02/2018, quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ

Ngoài ra, còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện AD kháng nghị phúc thẩm với nội dung: Sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt áp dụng đối với bị cáo, không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ mà áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo. Quyết định kháng nghị phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ và đúng pháp luật nhưng việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ: Về vai trò, bị cáo là người thực hành tích cực, trực tiếp điều khiển xe cầu gây tại nạn. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

Mặt khác, bị cáo không có công việc ổn định, thường phải đi làm thuê ở nhiều nơi, trong quá trình đi làm thuê, bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng. Bên cạnh đó, bị cáo không trực tiếp bồi thường cho bị hại mà do Nguyễn Văn T sử dụng tiền công của bị cáo để bồi thường. Theo Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 quy định, người phạm tội được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ phải là người đang có việc làm ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng hình phạt này. Việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AD đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 336, 337, 339 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AD; sửa bản án sơ thẩm, chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với các Kết luận giám định, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 04/3/2017, Phạm Văn H điều khiển xe cẩu nhãn hiệu Komatsu, model PC 10-1, serial No 3734 bán xích để ép cọc bê tông trong khi chưa được đào tạo về chuyên môn và chưa được cấp chứng chỉ vận hành máy ép cọc, trong quá trình thi công, máy khoan và mũi khoan đổ đẽ vào người ông Đào Văn T1, hậu quả làm ông T1 chết. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 1 Điều 229 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AD (chuyển từ hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù giam đối với bị cáo Phạm Văn H):

[2] Ngày 09/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện AD ra Quyết định khởi tố bị can và ngày 10/11/2017 ra Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn H. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo H được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng không đến, qua xác minh, bị cáo vắng mặt tại địa phương và có dấu hiệu bỏ trốn nên Cơ quan Công an đã ra Quyết định truy nã bị cáo vào ngày 09/12/2017. Ngày 26/01/2018, bị cáo bị bắt theo truy nã và được áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Sau đó, Cơ quan Công an huyện AD thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

[3] Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, tại khoản 2 Điều 3 quy định về những trường hợp không cho hưởng án treo: “Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã”. Theo đó, bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 không quy định việc bị cáo bỏ trốn

và bị truy nã là căn cứ không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng xét thấy, hình phạt cải tạo không giam giữ có tính chất nhẹ hơn hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nên điều kiện áp dụng phải chặt chẽ hơn án treo. Do đó, nếu bị cáo đã bị truy nã thì không được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Ngoài ra, hình phạt cải tạo không giam giữ chỉ áp dụng với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng mà có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng; trong vụ án này, bị cáo H không có công việc ổn định, làm nghề lao động tự do; nơi cư trú ở Thanh Hóa nhưng bị cáo thường đi làm xa, không có mặt tại địa phương. Do đó, bị cáo không có đủ điều kiện để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện AD và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sửa Bản án sơ thẩm, chuyển từ hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng với Nguyễn Văn T đã bồi thường đầy đủ và được đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (mặc dù, T dùng tiền lương của bị cáo để bồi thường nhưng đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo cũng không có ý kiến gì về việc lấy tiền lương của bị cáo để bồi thường nên Hội đồng xét xử vẫn đánh giá bị cáo tự nguyện bồi thường và khắc phục hậu quả); trong vụ án này, bị hại cũng có lỗi khi đã được nhắc nhở không được đi vào khu vực thi công nhưng vẫn đi vào. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; nhân thân bị cáo tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, tuy nhiên, bị cáo không đủ điều kiện để chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù nên cần áp dụng mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Hội đồng xét xử chuyển từ hình phạt cải tạo không giam giữ sang hình phạt tù đối với bị cáo và xử phạt tù bị cáo mức án dưới khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 229 Bộ luật Hình sự 1999.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Sửa Bản án sơ thẩm, chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nặng hơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 229 Bộ luật Hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn H: 05 (Năm) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 25/01/2018 đến ngày 04/02/2018)

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 26/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện AD;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện AD;
- Cơ quan THAHS huyện AD;
- TAND huyện AD;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm